TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-3-2023
V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Huy Cường.

2. Ông Nguyễn Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 14, ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 14, ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Ấp Cây X, xã P1, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thanh T1 bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Sau đó, chị T1 về nhà của cha mẹ anh để sinh sống và làm ăn.

Anh và chị T1 chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12-2022 phát sinh mâu thuẫn do anh chị chung sống thường xuyên xảy ra cải nhau về việc kinh tế trong gia đình khó khăn và thiếu thốn. Đến khoảng tháng 01-2023 chị T1 bỏ về nhà cha mẹ của chị T1 tại: Ấp Cây X, xã P1, huyện G, tỉnh Tây Ninh sống cho đến nay và anh chị ly thân với nhau kể từ thời gian này mà anh chị không gặp nhau để bàn bạc việc đoàn tụ.

Nhận thấy tình cảm đã không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Về con chung: Anh chị có 01 người con tên Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 30-11-2000. Hiện cháu H đang sống với anh và cháu Hằng đã thành niên, có khả năng tự lao động nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận với nhau nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Chị thống nhất như lời trình bày của anh T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân dẫn đến anh chị mâu thuẫn do kinh tế trong gia đình khó khăn, anh T không chịu lo làm ăn và chăm sóc cho gia đình. Đến khoảng tháng 01-2023 chị bỏ về nhà của cha mẹ chị sống cho đến nay và anh chị không gặp nhau để bàn bạc việc đoàn tụ nên nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 30-11-2000. Hiện cháu Hằng đang sống với anh T và cháu H đã thành niên, có khả năng tự lao động nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận với nhau nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T và chị T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh T và chị T1 chung sống với nhau vào năm 2000, trước đó có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Khi chung sống anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp với các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 30-11-2000. Hiện cháu H đã thành niên, có khả năng tự lao động và anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[2.4] Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Không công nhận anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thanh T1 là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Hiện cháu Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 30-11-2000 đã thành niên và có khả năng tự lao động nên anh chị không yêu cầu giải quyết.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0025176 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh T đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện G;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tuấn Anh